

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 104/2025/QĐST-HNGĐ

Tp. Thủ Đức, ngày 15 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 04/2008 ngày 30/12/2008 của UBND xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2665/2024/TLST/VDS ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: ông Bùi Văn H – sinh ngày 04/02/1978

Căn cước công dân 024078010565 cấp ngày 05/10/2022

Địa chỉ: số X, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Và bà Nguyễn Thị Thu H1 – sinh năm 1982

Căn cước công dân 040182029094 cấp ngày 29/9/2022

Địa chỉ: số A, đường T, tổ E, khu phố B, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 07/01/2025

Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H1 sống chung với nhau vào năm 2021, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An vào ngày 30/12/2008.

Quá trình chung sống ông bà không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó ông Bùi Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H1 thuận tình ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Bùi Nguyễn Hoài T sinh ngày 01/4/2010. Ông Bùi Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H1 thống nhất thỏa thuận giao con chung cho ông Bùi Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ông Bùi Văn H không yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: không có

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000 đồng, Ông Bùi Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H1 phải nộp.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07/01/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: ông Bùi Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H1 thuận tình ly hôn.

1.2 Về con chung: có 01 con chung tên Bùi Nguyễn Hoài T sinh ngày 01/4/2010. Ông Bùi Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H1 thống nhất thỏa thuận giao con chung cho ông Bùi Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ông Bùi Văn H không yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H1 cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

1.3. Về tài sản chung: không có

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông Bùi Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H1 phải nộp. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 67906 ngày 10/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Ông Bùi Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H1 đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Toà án ND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- CQ thực hiện việc ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Đỗ Thị Thu Thảo